

**DANH SÁCH NHÂN VIÊN ĐƯỢC CẤP
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN
LÀM VIỆC TẠI CÔNG TY TÍNH ĐẾN NGÀY 30/09/2025**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK, do UBCKNN cấp ngày 03/01/2014

- Địa chỉ trụ sở chính: VP-10-01, Tầng 10, tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 08. 44 555 888 / 38 271 020;

Chúng tôi xin báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước danh sách nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại Công ty tính đến ngày **30/09/2025** như sau:

TT		MSNV	Họ tên người được cấp chứng chỉ hành nghề CK	Chứng chỉ hành nghề		
				Số	Loại CCHN	Ngày cấp
I. Tru sở chính						
1	Ông	102807	KIM THIÊN QUANG	00692/PTTC	PTTC	03.04.2009
2	Bà	102824	MAI PHAN LÂM HOA	00859/MGCK	MGCK	02.06.2009
3	Bà	102825	PHẠM KHÁNH TRANG	001590/MGCK	MGCK	17.03.2011
4	Bà	106841	VÕ THỊ THÚY QUỲNH	007012/MGCK	MGCK	20.12.2022
5	Bà	106478	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG GIANG	002418/MGCK	MGCK	08.08.2013
6	Bà	106490	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	004100/MGCK	MGCK	03.07.2017
7	Bà	106820	PHAN HẠNH NGUYỄN	006607/MGCK	MGCK	21.08.2020
8	Bà	106685	NGUYỄN HẢI YÊN	006730/MGCK	MGCK	03.12.2020
9	Bà	107797	HUỲNH THỊ HỒNG	007074/MGCK	MGCK	01.02.2023
10	Bà	107034	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	007099/MGCK	MGCK	08.02.2023
11	Bà	108043	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	007278/MGCK	MGCK	18.04.2023
12	Ông	102908	NGUYỄN TRUNG HIẾU	00135/MGCK	MGCK	11.03.2009
13	Bà	106205	VÕ BẠCH TIÊN	001264/MGCK	MGCK	27.02.2010
14	Ông	102905	CHÂU TRÍ THƯỜNG	002561/MGCK	MGCK	20.10.2013
15	Ông	102900	HUỲNH NGỌC LÍP	002744/MGCK	MGCK	09.10.2014
16	Bà	106410	LÊ THỊ LỆ QUYÊN	002750/MGCK	MGCK	09.10.2014
17	Ông	102899	PHAN HOÀNG DUY BẢO	001836/PTTC	PTTC	12.09.2011

TT		MSNV	Họ tên người được cấp chứng chỉ hành nghề CK	Chứng chỉ hành nghề		
				Số	Loại CCHN	Ngày cấp
43	Bà	106978	BÙI QUỲNH PHƯƠNG	004318/MGCK	MGCK	12.01.2018
19	Bà	107941	PHAN THỦY LINH	002819/PTTC	PTTC	11.03.2024
20	Bà	107538	CÁN THỊ NGUYỆT	002842/PTTC	PTTC	19.03.2024
21	Bà	107447	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	003851/MGCK 002789/PTTC	MGCK PTTC	22.06.2018 22.12.2023
22	Bà	107710	HOÀNG NGỌC TRÂM	002467/QLQ	QLQ	07.03.2024
23	Ông	108099	ĐỖ QUANG TRUNG	003015/PTTC	PTTC	02.04.2025
24	Bà	102784	NGUYỄN THỊ SONY TRÀ MI	002158/PTTC	PTTC	26.03.2015
25	Bà	102847	PHAN THỊ THU HIỀN	001570/PTTC	PTTC	07.01.2010
26	Ông	107625	NGUYỄN VĂN DŨNG	003502/MGCK 002447/QLQ	MGCK QLQ	13.04.2016 01.03.2024
27	Bà	102805	TRIỆU THỊ ANH THƯ	001468/PTTC	PTTC	20.11.2009
28	Ông	102949	MAI QUANG HẢI	001286/QLQ	QLQ	12.08.2015
29	Ông	106848	NGUYỄN KIM THƯỜNG	002401/PTTC	PTTC	18.07.2017
30	Ông	106184	VŨ GIA VINH	002435/PTTC	PTTC	26.04.2018
31	Ông	107400	HUỶNH KIM QUAN VŨ	002948/PTTC	PTTC	18.02.2025
32	Ông	107767	BÙI QUANG DUY	003068/PTTC	PTTC	19.05.2025
33	Bà	108237	PHAN HOÀNG LINH	002059/PTTC	PTTC	04.10.2013
34	Ông	106592	QUẢN TRỌNG THÀNH	002084/PTTC	PTTC	15.01.2014
35	Ông	102789	LÊ NGUYỄN NHẬT CHUYÊN	002164/PTTC	PTTC	10.04.2015
36	Ông	106988	HOÀNG HUY	001418/QLQ	QLQ	17.05.2016
37	Bà	107263	TRẦN THỊ THANH NHÂN	004018/MGCK 002806/QLQ	MGCK QLQ	19.04.2017 14.03.2025
38	Ông	102783	NGUYỄN THANH LÂM	002221/PTTC	PTTC	23.10.2015
39	Ông	107738	NGUYỄN THANH HẢI	002998/QLQ	45919	19.09.2025
40	Ông	102808	PHAN DŨNG KHÁNH	001884/MGCK	MGCK	12.09.2011
41	Bà	107866	NGUYỄN NINH PHƯƠNG THẢO	001410/MGCK	MGCK	16.11.2010
42	Bà	107374	NGUYỄN THỊ YẾN LAN	004199/MGCK & 002999/QLQ	MGCK	09.10.2017 & 19.09.2025
43	Bà	108268	NGÔ HOÀNG KIM NGÂN	00139/PTTC	PTTC	12.03.2009
44	Bà	102853	PHAN THẢO LAM	002321/MGCK	MGCK	21.05.2013
45	Bà	102858	LỤC HOÀNG NGÂN	002743/MGCK	MGCK	09.10.2014

TT		MSNV	Họ tên người được cấp chứng chỉ hành nghề CK	Chứng chỉ hành nghề		
				Số	Loại CCHN	Ngày cấp
46	Bà	105386	NGUYỄN THỊ BẢO THU	003693/MGCK	MGCK	04.08.2016
47	Bà	106617	LÊ UYÊN THY	004005/MGCK	MGCK	13.04.2017
48	Bà	108169	TRẦN NGỌC THỦY TIÊN	008734/MGCK	MGCK	11.03.2024
49	Ông	107187	TRẦN THANH TÂM	008821/MGCK	MGCK	15.03.2024
50	Bà	108067	TRƯƠNG NGUYỄN HỒNG MINH	008997/MGCK	MGCK	09.04.2024
51	Bà	108166	TRẦN NGUYỄN NGỌC YÊN	009544/MGCK	MGCK	13.11.2024
52	Bà	108274	PHAN THỊ THU UYÊN	009707/MGCK	MGCK	14.02.2025
53	Ông	102767	NGUYỄN THÀNH TRUNG	001871/PTTC	PTTC	28.12.2011
54	Bà	106236	NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	00887/MGCK	MGCK	28.05.2009
55	Bà	106598	TRẦN NGỌC ANH ĐÀO	001554/QLQ	QLQ	11.04.2017
56	Bà	108158	NGUYỄN THỊ HÒA	002384/QLQ	QLQ	04.01.2024
57	Ông	102794	LÊ CHÍNH TRUNG	002729/MGCK 001239/QLQ	MGCK QLQ	09.10.2014 01.04.2015
58	Bà	102795	NGUYỄN THỊ THANH NGA	00978/MGCK	MGCK	29.07.2009
59	Bà	106264	ĐOÀN THỊ NHẬT THẢO	001312/MGCK	MGCK	04.06.2010
60	Bà	102891	LÊ THỊ THỰC QUYÊN	002782/MGCK	MGCK	05.11.2014
61	Bà	106806	BÙI HUYỀN TRANG	006595/MGCK	MGCK	11.08.2020
62	Bà	107259	TRẦN THỊ NGÂN HÀ	009346/MGCK	MGCK	20.06.2024
63	Bà	102800	NGUYỄN THỊ HẢI VÂN	002741/MGCK	MGCK	09.10.2014
64	Bà	102801	VÕ THỊ HIỀN	002913/MGCK	MGCK	26.03.2015
65	Ông	107276	TRẦN HOÀI ĐỨC	007328/MGCK	MGCK	24.04.2023
66	Bà	107296	ĐOÀN THỊ NGỌC HÀ	007931/MGCK	MGCK	11.09.2023
67	Bà	106442	NGUYỄN THỊ YÊN	006839/MGCK	MGCK	10.06.2022
68	Bà	106398	KHUẤT THỊ KIM DUYÊN	009055/MGCK	MGCK	15.04.2024
69	Bà	108269	TRẦN THỊ MỸ SƯƠNG	001711/MGCK	MGCK	24.05.2011
70	Bà	102811	PHẠM THỊ NGUYỆT HÀ	003005/MGCK	MGCK	27.04.2015
71	Bà	106928	NGUYỄN HOÀNG BẢO NGÂN	008872/MGCK	MGCK	22.03.2024
72	Bà	106917	CÔ NGUYỄN ĐĂNG QUỲNH	008873/MGCK	MGCK	22.03.2024
73	Ông	106951	NGUYỄN ANH TUẤN	001030/QLQ	QLQ	11.11.2013

TT		MSNV	Họ tên người được cấp chứng chỉ hành nghề CK	Chứng chỉ hành nghề		
				Số	Loại CCHN	Ngày cấp
74	Bà	108273	TRỊNH THỊ THU HUYỀN	001922/QLQ	QLQ	26.08.2020
75	Bà	108089	NGUYỄN THỊ THU THẢO	002101/QLQ	QLQ	03.04.2023

II. Chi nhánh

1. Chi nhánh Hà Nội

1	Ông	106279	HOÀNG THANH TUẤN	001398/QLQ	QLQ	04.04.2016
2	Bà	102938	TÔNG THỊ NGỌC	00478/MGCK	MGCK	31.03.2009
3	Ông	102937	TRƯƠNG ĐỨC DÂN	00695/PTTC	PTTC	03.04.2009
4	Ông	102939	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	01334/PTTC	PTTC	15.09.2009
5	Ông	106955	TRẦN MINH ĐỨC	002557/MGCK	MGCK	20.12.2013
6	Ông	105225	PHÙNG VĂN NINH	003376/MGCK	MGCK	22.01.2016
7	Bà	106956	TRẦN THỊ HƯỜNG	003583/MGCK	MGCK	16.05.2016
8	Ông	106289	LÊ DUY HIẾU	004325/MGCK	MGCK	05.01.2018
9	Bà	106280	ĐÀM THỊ HUYỀN TRANG	004357/MGCK	MGCK	16.01.2018
10	Bà	106460	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	004494/MGCK	MGCK	22.06.2018
11	Bà	102940	NGUYỄN THỊ HỒNG	002853/MGCK 001988/QLQ	MGCK QLQ	20.01.2015 24.05.2022

2. Chi nhánh Phú Nhuận

1	Bà	102877	MẠC THỊ MẶN	002348/MGCK	MGCK	19.06.2013
2	Ông	102893	BÙI CÔNG VŨ	01054/MGCK	MGCK	27.08.2009
3	Bà	102894	HUỖNH LỆ MI	001898/PTTC	PTTC	20.03.2012
4	Ông	102884	ĐỖ THANH NGHĨA	002746/MGCK	MGCK	09.10.2014
5	Ông	102896	KIM THIÊN TÂN	002893/MGCK	MGCK	26.03.2015
6	Bà	102897	MẠCH VẦY THÌNH	002966/MGCK	MGCK	10.04.2015
7	Ông	106875	LÊ TUẤN ANH	003966/MGCK	MGCK	05.04.2017
8	Bà	105908	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG	004380/MGCK	MGCK	08.02.2018
9	Ông	106860	HUỖNH TÂN VINH	006990/MGCK	MGCK	12.12.2022
10	Bà	106554	TRẦN THỊ ĐÔN HOAN	007111/MGCK	MGCK	08.02.2023
11	Bà	105396	DƯƠNG THỊ DIỄM HẰNG	007113/MGCK	MGCK	10.02.2023
12	Bà	106909	KIỀU THỊ TƯ	008841/MGCK	MGCK	19.03.2024

TT		MSNV	Họ tên người được cấp chứng chỉ hành nghề CK	Chứng chỉ hành nghề		
				Số	Loại CCHN	Ngày cấp
3. Chi nhánh Sài Gòn						
1	Ông	102857	NGUYỄN BẢO TOÀN	00594/MGCK	MGCK	17.04.2009
2	Ông	106481	NGUYỄN PHI SƠN	00452/MGCK	MGCK	27.03.2009
3	Bà	102835	TRẦN THỊ BÉ RAU	00977/MGCK	MGCK	29.07.2009
4	Ông	105911	TÔN THÊ VINH LỘC	001849/MGCK	MGCK	24.08.2011
5	Ông	102828	LUU VĂN HẢI	001954/MGCK	MGCK	03.10.2011
6	Bà	106680	NGUYỄN TÌNH THƯƠNG	001985/MGCK	MGCK	01.11.2011
7	Bà	102852	ĐOÀN HỒNG NGỌC	002499/MGCK	MGCK	18.11.2013
8	Ông	102873	NGUYỄN THANH HẢI	002754/MGCK	MGCK	09.10.2014
9	Bà	102837	NGUYỄN THỊ XUÂN THÚY	002735/MGCK	MGCK	09.10.2014
10	Ông	102814	NGUYỄN THANH CẦN	002760/MGCK	MGCK	09.10.2014
11	Bà	102823	VÕ THỊ KIM THU	002915/MGCK	MGCK	26.03.2015
12	Bà	102839	LÊ NGUYỄN MINH TÚ	003044/MGCK	MGCK	27.05.2015
13	Ông	102827	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	003036/MGCK	MGCK	27.05.2015
14	Bà	102999	NGUYỄN THỊ TÂN THƯƠNG	003218/MGCK	MGCK	06.10.2015
15	Bà	102885	PHẠM THANH SANG	003365/MGCK	MGCK	22.01.2016
16	Ông	108131	TRẦN QUỐC THANH	004041/MGCK	MGCK	17.05.2017
17	Ông	106187	ĐỖ DUY PHƯƠNG	004734/MGCK	MGCK	26.12.2018
18	Bà	106124	TRẦN THỊ THU TRANG	004827/MGCK	MGCK	24.01.2019
19	Bà	106850	LÊ HUYỀN TRANG	004970/MGCK	MGCK	01.04.2019
20	Bà	106338	NGUYỄN ÁI LINH	007177/MGCK	MGCK	09.03.2023
21	Bà	106416	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	007250/MGCK	MGCK	27.03.2023
22	Ông	108115	NGUYỄN HUỖNH ĐĂNG KHOA	007377/MGCK	MGCK	08.05.2023
23	Bà	106838	NGUYỄN THỤY Ý NHI	007412/MGCK	MGCK	15.05.2023
24	Ông	106842	TRƯƠNG THÀNH TÂM	007466/MGCK	MGCK	24.05.2023
25	Ông	108116	NGUYỄN BẢO HOÀNG	008812/MGCK	MGCK	15.03.2024
26	Bà	106543	HỒ THỊ THANH HƯƠNG	008969/MGCK	MGCK	09.04.2024
27	Bà	106925	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	008970/MGCK	MGCK	09.04.2024

TT		MSNV	Họ tên người được cấp chứng chỉ hành nghề CK	Chứng chỉ hành nghề		
				Số	Loại CCHN	Ngày cấp
28	Bà	106815	NGUYỄN NGỌC ÁNH LINH	009071/MGCK	MGCK	22.04.2024
29	Bà	107124	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	009139/MGCK	MGCK	14.05.2024
30	Bà	108249	LÂM THỊ ÁNH NGÂN	009604/MGCK	MGCK	13.01.2025

4. Chi nhánh Đồng Nai

1	Bà	107382	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	001509/QLQ	QLQ	28.12.2016
2	Bà	102917	NGUYỄN THỊ QUYÊN	002370/MGCK	MGCK	01.07.2013
3	Bà	102921	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊU	002605/MGCK	MGCK	04.04.2014
4	Bà	102920	VŨ THỊ LINH	002679/MGCK	MGCK	25.06.2014
5	Bà	102915	NGUYỄN HỒNG NGỌC	002941/MGCK	MGCK	10.04.2015
6	Ông	106550	NGUYỄN XUÂN THÁI DƯƠNG	007579/MGCK	MGCK	12.06.2023
7	Bà	106876	NGUYỄN THỊ THẢO	007311/MGCK	MGCK	24.04.2023

5. Chi nhánh An Giang

1	Bà	102974	NGUYỄN HỒ BẢO TRẦN	00476/MGCK	MGCK	31.03.2009
2	Ông	102979	LÊ HOÀNG THỦ	002734/MGCK	MGCK	09.10.2014
3	Ông	102981	PHẠM THÁI	002756/MGCK	MGCK	09.10.2014
4	Ông	107229	NGUYỄN VIỆT TIẾN	002952/MGCK	MGCK	10.04.2015
5	Bà	106534	ĐỖ BẢO VY	007926/MGCK	MGCK	11.09.2023

TỔNG CỘNG: 140

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo.

Kiểm Soát



Lục Khánh Ngọc



TL/TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mộng Như Quỳnh